Họ Mạc và Hà Tiên thế kỷ 18: Phật giáo, hải thương và địa chính trị (P2/5)

ISSN: 2734-9195 13:30 11/07/2026

Cư sĩ Mạc Thiên Tích đã tiếp nhận tinh hoa của truyền thống cũ, nhưng không chọn quay về Trung Nguyên để cầu lấy công danh. Ông đem vốn văn hóa ấy gieo xuống Hà Tiên, như gieo hạt lành trên một miền đất mới.

Phần 2 - Chương 11 đến hết chương 20.

9. Cư sĩ Mạc Cửu giữa thời đại hải thương và ánh sáng Phật pháp nơi đất Hà Tiên

Từ thế kỷ XV trở đi, những cuộc đại hải hành nối tiếp nhau mở ra trên các đại dương, kéo theo làn sóng bành trướng hàng hải và thuộc địa của các cường quốc châu Âu, mà tiêu biểu là Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha và về sau là Hà Lan. Những cánh buồm từ phương Tây vượt qua trùng dương không chỉ làm thay đổi các tuyến giao thương cổ truyền, mà còn từng bước hình thành một hệ thống mậu dịch đại dương mang tính liên lục địa, nối liền châu Âu với châu Phi, châu Mỹ và châu Á.

Dẫu phía sau những cuộc viễn chinh ấy là tham vọng quyền lực, lợi ích thương mại và không ít hệ lụy đau thương của chủ nghĩa thực dân, nhưng xét trên bình diện lịch sử toàn cầu, sự mở rộng của các tuyến hàng hải cũng đã tạo nên những cuộc tiếp xúc Đông - Tây với quy mô chưa từng có. Hàng hóa, kỹ thuật, tri thức, phương thức tổ chức thương mại và những mô hình quản trị mới theo các đoàn thương thuyền lan tỏa đến nhiều thương cảng phương Đông, làm chuyển động những xã hội vốn lâu đời vận hành trong khuôn khổ của các trật tự truyền thống.

Trong thế giới hàng hải đang cuộn mình biến đổi ấy, tư tưởng trọng thương và ý thức về sức mạnh biển cả ngày càng giữ một vị trí quan trọng. Từ những truyền thống thương mại từng phát triển mạnh tại các thành bang ven Địa Trung Hải, rồi được các cường quốc hàng hải Tây Âu kế thừa và biến đổi, một tư duy mới dần định hình: ai kiểm soát được hải lộ, thương cảng và dòng lưu chuyển hàng hóa, người ấy có khả năng tích lũy tài lực, củng cố quyền lực và mở rộng ảnh

hưởng.

Những làn sóng ấy cuối cùng cũng dội đến vùng biển Đông Nam Á. Và Hà Tiên, một vùng đất nhỏ bé nằm nơi giao điểm của nhiều tuyến hải hành, không thể đứng ngoài dòng chuyển động lớn lao của thời đại.

Chính trong bối cảnh lịch sử ấy, Cư sĩ Mạc Cửu đã sớm biểu lộ một tầm nhìn khác biệt. Sau khi từng bước xác lập quyền quản trị tại Hà Tiên, theo những ghi chép được lưu truyền, ông đã có dịp đi qua Philippines và Batavia, quan sát đời sống tại những thương cảng lớn đang nằm dưới ảnh hưởng của Tây Ban Nha và Hà Lan. Những chuyến hải hành ấy mở ra trước mắt người thủ lĩnh họ Mạc một thế giới rộng lớn hơn rất nhiều so với phạm vi của những tiểu quốc và vùng đất cát cứ trên bán đảo Đông Nam Á đương thời.

Ở Manila, ông có thể chứng kiến một thương cảng nằm trên tuyến giao thương xuyên Thái Bình Dương. Tại Batavia, trung tâm quyền lực của Đông Ấn Hà Lan, trước mắt ông là một đô thị cảng nơi thương thuyền, kho hàng, thuế quan và bộ máy quản trị được tổ chức nhằm phục vụ cho một nền thương mại biển quy mô lớn.

Điều đáng quý ở Cư sĩ Mạc Cửu không chỉ nằm ở việc ông đã đi xa và nhìn thấy nhiều điều mới lạ. Điều quan trọng hơn là ông biết quan sát, suy nghiệm và chọn lọc.

Từ những gì mắt thấy tai nghe, người thủ lĩnh Hà Tiên dường như đã nhận ra rằng sức mạnh của một vùng đất không chỉ được đo bằng diện tích cương vực hay số lượng dân cư. Một thương cảng nhỏ, nếu biết mở cửa giao thương, tổ chức quản trị hiệu quả, tích lũy tài lực và xây dựng khả năng tự vệ, vẫn có thể tạo dựng một vị thế đáng kể giữa những thế lực lớn đang tranh giành ảnh hưởng.

Bởi thế, khi trở về Hà Tiên, Cư sĩ Mạc Cửu đã biết vận dụng một cách linh hoạt những kinh nghiệm từng tiếp xúc trong thế giới hàng hải. Ông không sao chép nguyên dạng các mô hình phương Tây, mà dung hòa chúng với truyền thống quản trị của cộng đồng Hoa thương, với thực tế cư dân bản địa và với hoàn cảnh chính trị đặc thù của vùng đất phương Nam.

Ở phương diện ấy, Cư sĩ Mạc Cửu hiện lên không chỉ như một người khai phá hay một thủ lĩnh địa phương. Ông còn là một nhân vật có tư duy cải biến đáng chú ý của thời đại mình - một con người biết nhìn ra biển lớn, biết chủ động tiếp xúc với những kinh nghiệm quản trị khác biệt, và quan trọng hơn cả, biết biến

những điều đã học hỏi thành phương tiện phục vụ cho sự sinh tồn và phát triển của Hà Tiên.

Tuy nhiên, nếu chỉ nhìn Cư sĩ Mạc Cửu qua sự nghiệp chính trị và kinh tế, vẫn chưa đủ để hiểu trọn vẹn con người ông.

Trên cương vị một vị thần thuộc của chúa Nguyễn, Cư sĩ Mạc Cửu đã góp phần đưa Hà Tiên hòa vào tiến trình mở cõi của Đại Việt ở phương Nam. Trên cương vị người đứng đầu một vùng đất mới, ông chăm lo việc chiêu dân, lập ấp, mở mang thương nghiệp và củng cố phòng thủ. Nhưng trong đời sống tinh thần, Mạc Cửu còn được biết đến như một cư sĩ Phật tử có lòng kính tin Tam bảo, góp phần hộ trì Phật pháp trên miền đất biên viễn.

Theo bước chân những đoàn lưu dân tìm về Hà Tiên là biết bao phận người đã rời bỏ quê cũ, mang theo những vết thương của chiến tranh, loạn lạc và ly hương. Họ đến từ nhiều vùng đất, nói những tiếng nói khác nhau, mang theo những tập tục, ký ức và niềm tin khác nhau. Giữa một xã hội mới đang từng ngày hình thành, con người không chỉ cần ruộng đất để sinh sống, chợ búa để giao thương hay thành lũy để nương náu.

Họ còn cần một nơi để gửi gắm tâm hồn. Và Phật pháp đã theo những bước chân di dân ấy mà đến với Hà Tiên, như một dòng suối lành âm thầm chảy vào miền đất mới.

Trong sự nghiệp khai mở và kiến thiết vùng biên hải, Cư sĩ Phật tử Mạc Cửu không chỉ là người dựng nền cho một thương cảng phồn thịnh, mà còn là bậc hộ đạo có tâm lượng rộng lớn, biết lấy đạo lý từ bi, khoan dung và an dân làm nền tảng cho việc quy tụ nhân tâm. Giữa buổi đầu mở đất còn nhiều gian lao, bất trắc, ông đã góp phần tạo điều kiện để các bậc xuất gia hoằng truyền chính pháp, dựng lập già lam, gieo những hạt giống từ bi và trí tuệ vào đời sống cộng đồng.

Từ đó, giữa miền biên địa từng in dấu ly loạn, tha hương và khát vọng lập nghiệp, tiếng chuông chùa dần ngân lên bên những xóm làng mới dựng; ánh sáng Phật pháp lặng lẽ soi rọi những tâm hồn đang đi tìm nơi nương tựa tinh thần. Đạo Phật không đến Hà Tiên bằng uy quyền hay áp đặt, mà bằng lòng nhân ái, bằng sự chở che tâm linh, bằng năng lực cảm hóa con người trở về với điều thiện lành.

Suối nguồn từ bi ấy dần hòa vào phù sa của miền đất mới, làm mềm lại những khắc nghiệt của vùng biên viễn và vun bồi nền phong hóa cho cư dân Hà Tiên.

Trong sự giao hòa giữa tinh thần Phật giáo, nếp sống thuận hòa của Đạo giáo và lễ nghĩa kỷ cương của Nho học, cộng đồng lưu dân nơi đây từng bước tìm thấy sự ổn định, niềm tin và ý thức cùng nhau xây dựng một quê hương chung.

Những vị sứ giả Như Lai, cùng hàng cư sĩ hộ đạo như Mạc Cửu, đã thắp lên ánh sáng trí tuệ giữa một cộng đồng đang khao khát bình yên. Bởi vậy, Phật giáo tại Hà Tiên buổi đầu không chỉ hiện diện như một tín ngưỡng dân gian, mà còn là một nguồn lực tinh thần sâu bền: góp phần an định lòng người, kết nối cộng đồng, nuôi dưỡng đạo đức xã hội và làm nên cốt cách nhân văn của vùng đất biên hải phương Nam.

Cư sĩ Mạc Cửu đã dành phần lớn cuộc đời mình cho Hà Tiên. Từ một người phiêu bạt giữa những biến động của thời cuộc, ông trở thành người khai mở một vùng đất. Từ một thương nhân từng vượt biển qua nhiều thương cảng, ông trở thành vị thủ lĩnh biết dùng thương nghiệp để gây dựng cơ đồ. Từ một người từng chịu cảnh lưu đày và binh biến, ông hiểu hơn ai hết giá trị của sự bình yên. Và với tâm nguyện của một người cư sĩ kính tin Tam bảo. Cư sĩ Mạc Cửu đã mang suối nguồn từ bi tắm mát vùng đất hoang vu, thắp lên ánh sáng quang minh để sưởi ấm những tâm hồn tha hương cầu thực. Bằng việc gieo vạn hạt mầm bồ đề thức tỉnh lòng người, ông đã gieo trồng nên vườn hoa Bát Nhã ngát hương, tô điểm lộng lẫy cho dải đất mới hồi sinh.

Rồi năm tháng lặng lẽ trôi qua. Đời người, dẫu từng đi qua biển lớn, dựng nên thành quách hay mở mang một phương trời, cuối cùng vẫn không ra ngoài định luật vô thường. Tuổi cao, sức yếu, Mạc Cửu dần khép lại những tháng năm dấn thân giữa cõi nhân gian. Ngày 27 tháng 5 năm Ất Mão, tức ngày 17 tháng 7 năm 1735, ông từ giã trần gian về cõi Phật, hưởng thọ tám mươi mốt tuổi. Theo cách nhìn của người con Phật, đó là phút giây xả bỏ báo thân sau một hành trình dài giữa cõi thế vô thường. Người cư sĩ đã đi qua phong ba của biển cả, binh lửa của thời cuộc và bao nỗi thăng trầm của kiếp người, nay nhẹ nhàng khép lại một đời hành đạo giữa nhân gian.

Trong niềm kính ngưỡng của hậu thế, ông như cánh sen rời khỏi mặt hồ sau một mùa hương sắc, để trở về miền tịch tĩnh. Người đã đi xa. Nhưng Hà Tiên vẫn còn đó.

Biển vẫn vỗ vào bờ đá. Núi Bình San vẫn trầm mặc nhìn xuống vùng đất cũ. Và trong dòng chảy lịch sử phương Nam, tên tuổi Cư sĩ Mạc Cửu vẫn gắn liền với một miền biên viễn đã được ông dành trọn tâm lực để khai mở, chở che và vun bồi.

Một đời người đã khép lại. Nhưng từ hạt giống mà người cư sĩ Phật tử ấy gieo xuống đất Hà Tiên, một dòng chảy văn hóa và Phật giáo mới đang âm thầm nảy nở.

Để rồi từ đó, dưới bàn tay kế nghiệp của Cư sĩ Mạc Thiên Tứ - thường được biết đến với danh xưng Mạc Thiên Tích - và trong bước chân hoằng hóa của những bậc cao tăng, Hà Tiên sẽ bước vào một thời kỳ rực rỡ khác: thời kỳ mà văn chương, Phật pháp và tinh thần khai mở cùng hội tụ bên bờ biển Tây Nam của đất Việt.

10. Mạc Thiên Tích kế nghiệp: Từ thương cảng phồn thịnh đến miền Văn hiến phương Nam

Sau khi Cư sĩ Mạc Cửu quy Tây, khép lại một đời dấn thân cho vùng đất Hà Tiên, cơ nghiệp mà ông dày công gây dựng được trao lại cho người trưởng nam là Cữi Mạc Thiên Tích. Năm Bính Thìn 1736, Cư sĩ Mạc Thiên Tích chính thức kế vị, tiếp quản chức Tổng binh Đại đô đốc và trở thành người đứng đầu đất Hà Tiên.

Nếu Cư sĩ Mạc Cửu là người đặt nền móng, mở đất và xác lập vị thế chính trị cho Hà Tiên giữa một thời cuộc đầy biến động, thì Cư sĩ Mạc Thiên Tích chính là người kế thừa và đưa cơ nghiệp ấy bước vào thời kỳ phát triển rực rỡ hơn.

Tiếp nhận di sản của thân phụ, vị thủ lĩnh trẻ vẫn giữ mối quan hệ thần thuộc với chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong, đồng thời từng bước củng cố bộ máy cai quản, phát triển dân sinh và mở rộng ảnh hưởng của Hà Tiên trong khu vực. Nhưng điều khiến tên tuổi Cư sĩ Mạc Thiên Tích trở nên đặc biệt trong lịch sử phương Nam không chỉ nằm ở tài năng chính trị hay quân sự.

Ở ông còn có tâm hồn của một văn nhân. Và chính từ sự gặp gỡ giữa quyền lực của một nhà lãnh đạo với phong thái thanh nhã của một người yêu văn chương, Hà Tiên đã bước vào một thời kỳ hiếm có trong lịch sử vùng biên viễn.

Dưới sự điều hành của Cư sĩ Mạc Thiên Tích, vùng đất từng là nơi hội tụ của lưu dân và thương thuyền bốn phương dần trở thành một trung tâm văn hóa, giáo dục và học thuật đáng chú ý ở phương Nam. Văn nhân tìm đến. Nho sĩ tụ hội. Những cuộc xướng họa thi ca được mở ra giữa cảnh núi non và biển trời Hà Tiên. Từ một thương cảng phồn thịnh, Hà Tiên từng bước khoác lên mình dáng vẻ của một miền Văn hiến.

Nếu Mạc Cửu đã dựng nên hình hài của Hà Tiên, thì Cư sĩ Mạc Thiên Tích đã góp phần hun đúc linh hồn cho vùng đất ấy. Cũng vào năm Bính Thìn 1736, dưới

thời Ninh Vương Nguyễn Phúc Chú (1697-1738) - vị chúa thứ bảy của chính quyền Đàng Trong - triều đình Phú Xuân dành cho Hà Tiên một đặc ân đáng chú ý. Cư sĩ Mạc Thiên Tích được chuẩn cho mở xưởng đúc tiền kim loại mang niên hiệu An Pháp Nguyên Bảo - 安法元寶.

Việc cho phép một vùng đất biên viễn tổ chức đúc tiền là một sự kiện đặc biệt. Đồng tiền được lưu hành tại Hà Tiên và tham gia vào mạng lưới trao đổi thương mại rộng lớn của Đàng Trong. Dù cần tiếp tục khảo cứu kỹ hơn về phạm vi lưu hành cũng như cơ chế tiền tệ cụ thể, sự xuất hiện của tiền An Pháp Nguyên Bảo vẫn cho thấy vị thế kinh tế ngày càng đáng kể của Hà Tiên trong hệ thống thương mại phương Nam.

Đó cũng là một biểu hiện về mức độ tín nhiệm mà chính quyền Phú Xuân dành cho dòng họ Mạc. Hà Tiên khi ấy không còn là một vùng đất xa xôi chỉ tồn tại nhờ vào vị trí biên viễn. Thương cảng đã đông đúc hơn. Hoạt động giao thương ngày càng mở rộng. Những đoàn thuyền từ các vùng biển xa tìm đến, mang theo hàng hóa và tiền bạc; còn từ nội địa, sản vật của vùng đồng bằng và miền sông nước lại theo các tuyến buôn bán đổ về cảng thị.

Trong dòng lưu chuyển ấy, tiền tệ trở thành huyết mạch của thương nghiệp. Việc đúc tiền vì thế không chỉ mang ý nghĩa kinh tế. Nó còn phản ánh một bước trưởng thành trong cơ cấu quản trị của Hà Tiên - một vùng đất tuy giữ đạo thần thuộc với chúa Nguyễn nhưng vẫn được trao một mức độ tự chủ đáng kể trong việc tổ chức đời sống kinh tế và xã hội. Tuy nhiên, sự lớn mạnh của Hà Tiên cũng khiến những mâu thuẫn cũ với Chân Lạp ngày càng khó tránh khỏi.

Thuở ban đầu, khi Cư sĩ Mạc Cửu đặt chân đến vùng đất này, ông từng gây dựng cơ nghiệp trong phạm vi ảnh hưởng chính trị của triều đình Chân Lạp. Bởi vậy, việc Cư sĩ Mạc Cửu về sau chủ động xin quy phục chúa Nguyễn và đặt Hà Tiên dưới sự bảo hộ của Đàng Trong tất nhiên đã làm thay đổi sâu sắc cán cân quyền lực trong khu vực.

Đối với một bộ phận giới cầm quyền Chân Lạp, sự chuyển hướng ấy khó có thể được nhìn nhận một cách bình thản.

Một vùng đất từng nằm trong phạm vi ảnh hưởng của họ nay ngày càng phồn thịnh, lại dựa vào một thế lực đang trỗi dậy mạnh mẽ ở phương Đông. Nhưng Chân Lạp lúc bấy giờ đã suy yếu vì những cuộc tranh chấp vương quyền kéo dài. Triều đình nhiều phen chia rẽ, các phe phái tranh đoạt ngôi báu, khiến quốc lực hao mòn và khả năng kiểm soát những vùng biên viễn ngày càng suy giảm.

Họ nhìn thấy Hà Tiên rời xa tầm tay. Nhưng trong nhiều thời điểm, họ không còn đủ sức để xoay chuyển cục diện. Đến khi Cư sĩ Mạc Thiên Tích kế vị, tương quan lực lượng càng thay đổi rõ rệt. Trên nền tảng kinh tế và quân sự do Mạc Cửu gây dựng, vị thủ lĩnh mới tiếp tục củng cố Hà Tiên, tăng cường khả năng phòng thủ và mở rộng ảnh hưởng đối với những vùng lân cận.

Trong khi Hà Tiên từng bước ổn định, Chân Lạp lại tiếp tục chìm trong những biến động nội bộ. Giữa hoàn cảnh ấy, những cuộc xung đột biên giới khó tránh khỏi đã xảy ra. Các lực lượng từ phía Chân Lạp nhiều lần tiến đánh Hà Tiên với ý định tái lập ảnh hưởng đối với vùng đất cũ. Nhưng Hà Tiên của thời Cư sĩ Mạc Thiên Tích đã không còn là miền đất trống trải, dễ dàng thất thủ như những thập niên trước.

Những bài học đau đớn từ cuộc xâm lược của Xiêm La thuở Cư sĩ Mạc Cửu vẫn còn in đậm trong ký ức của dòng họ Mạc. Thành lũy đã được củng cố. Lực lượng phòng vệ đã được tổ chức. Và phía sau Hà Tiên lúc này còn có bóng dáng của chính quyền Đàng Trong. Các cuộc tiến công từ phía Chân Lạp vì thế lần lượt bị đẩy lui. Trong một số cuộc giao tranh, quân Hà Tiên không chỉ giữ vững phòng tuyến mà còn tổ chức phản công, tiến về vùng Sài Mạt và mở rộng ảnh hưởng tại đây. Từ vị thế của một vùng đất từng phải tìm kiếm sự che chở để sinh tồn, Hà Tiên dần trở thành một lực lượng chính trị - quân sự mà các thế lực chung quanh không thể xem nhẹ.

Đến khoảng giữa thế kỷ XVIII, cục diện Chân Lạp lại càng trở nên rối ren. Những cuộc tranh giành vương vị tiếp tục chia cắt triều đình thành nhiều phe phái đối nghịch. Vua này vừa lên ngôi, phe khác đã nổi dậy; người thất thế tìm đường lưu vong, kẻ đang nắm quyền lại lo sợ những cuộc phục kích và phản loạn.

Trong vòng xoáy quyền lực ấy, Hà Tiên bỗng trở thành một nhân tố có khả năng ảnh hưởng đến cán cân chính trị của Chân Lạp. Một nghịch lý của lịch sử đã diễn ra. Vùng đất mà giới cầm quyền Chân Lạp từng muốn thu hồi, nay lại trở thành nơi một số phe phái thất thế trong chính trường Chân Lạp tìm đến cầu viện.

Những người từng nhìn Hà Tiên như một miền đất đã rời khỏi vòng kiểm soát của mình, giờ đây phải quay về phía họ Mạc để tìm kiếm binh lực và sự hậu thuẫn chính trị. Trong những hoàn cảnh nhất định, các phe cầu viện thậm chí chấp nhận đặt mình vào vị thế lệ thuộc hoặc thần phục để đổi lấy sự trợ giúp.

Đó không đơn thuần là sự thay đổi của một cuộc chiến. Đó là sự đảo chiều của cả một tương quan quyền lực. Chỉ trong vòng vài thập niên, Hà Tiên đã đi từ

một vùng đất biên viễn thường xuyên bị đe dọa trở thành một trung tâm có khả năng tác động đến những biến chuyển chính trị của khu vực.

Và đứng giữa bước chuyển mình ấy là Cư sĩ Mạc Thiên Tích. Ông tiếp nhận từ thân phụ một vùng đất đã có nền móng. Nhưng bằng tài năng của mình, ông đã đưa Hà Tiên bước sang một thời đại mới - thời đại của thương mại phồn thịnh, văn chương nở rộ, giáo dục được mở mang và ảnh hưởng chính trị ngày càng lan rộng.

Nếu Cư sĩ Mạc Cửu là người mở cánh cửa Hà Tiên ra biển lớn, thì Cư sĩ Mạc Thiên Tích là người thắp lên ngọn đèn văn hiến giữa vùng trời phương Nam.

Chính dưới thời Cư sĩ Mạc Thiên Tích, Hà Tiên không chỉ có thành lũy kiên cố và thương thuyền tấp nập. Vùng đất ấy còn bắt đầu ngân lên nhịp sống thanh cao của thi ca, đạo học và Phật pháp. Nơi đây đã có những tao đàn quy tụ tao nhân mặc khách. Có tiếng ngâm thơ vang vọng giữa núi Bình San. Có những bậc cao tăng vượt biển tìm về, mang theo ánh sáng chính pháp để gieo vào lòng người hạt giống từ bi và trí tuệ.

Giữa miền đất từng một thời hoang vu, nay tiếng chuông Bồ Đề đã ngân nga trong sớm chiều biên hải. Thanh âm ấy không chỉ vọng lên từ mái chùa, mà còn chạm sâu vào tâm thức của những người lưu dân từng trải qua ly loạn, tha hương và bao nỗi nhọc nhằn trong buổi đầu dựng nghiệp. Tiếng chuông chùa trở thành âm thanh của sự tỉnh thức, của lòng từ bi che chở, xoa dịu những nỗi khổ niềm đau của kiếp nhân sinh, dìu dắt con người quay về với điều thiện lành và đời sống an hòa.

Hòa cùng tiếng chuông giải thoát ấy là tiếng trống Bát Nhã hùng tráng, biểu tượng của trí tuệ lớn lao và uy lực tâm linh. Mỗi hồi trống vang lên như đánh thức lòng người, tập hợp đại chúng, kết tụ nguồn năng lượng hòa hợp, thanh tịnh và trang nghiêm nơi đạo tràng Phật pháp. Trong âm vang chuông trống ấy, cư dân Hà Tiên không chỉ tìm thấy niềm tin tôn giáo, mà còn tìm thấy một nơi nương tựa tinh thần, một mái nhà tâm linh để cùng nhau vượt qua bất trắc của vùng đất mới.

Từ đó, Phật pháp đã trở thành dòng suối mát âm thầm che chở cho đời sống cư dân Hà Tiên: nuôi dưỡng lòng nhân ái, gìn giữ phong hóa, kết nối cộng đồng và góp phần xây dựng trật tự xã hội yên bình nơi miền biên viễn. Hà Tiên vì thế không chỉ là vùng đất của thương cảng và thành lũy, mà còn là Đất Phật, người hiền, xứ huyền ca văn hiến - nơi thi ca, đạo học và lòng người cùng hòa quyện thành một chương rực rỡ trong lịch sử phương Nam. Một chương mới của Phật

giáo Hà Tiên cũng từ đó dần mở ra.



Trong khuôn viên Miếu Mạc Công có Trung Nghĩa Từ, tức từ đường thờ phụng tổ tiên và các bậc tiền nhân của dòng họ Mạc. Ảnh người dịch cung cấp.

11. Hà Tiên và bàn cờ quyền lực Chân Lạp dưới thời Cư sĩ Mạc Thiên Tích

Trong thế giới chính trị Đông Nam Á thế kỷ XVIII, nơi vận mệnh của một vương triều nhiều khi không chỉ được quyết định bằng gươm giáo và thành lũy, mà còn bởi những mối liên minh thân tộc, quan hệ bảo trợ, nghĩa khí và lòng người, sự kiện Quốc vương Nặc Tôn - chữ Hán: 匿蝹尊, tên gọi quốc tế là Outey II hay Ang Ton, vị vua Chân Lạp trong giai đoạn 1758–1775 - tìm đến nương nhờ Cư sĩ Mạc Thiên Tích đã mở ra một chương đặc biệt trong lịch sử ngoại giao của Hà Tiên.

Giữa cơn biến động dữ dội của chính trường Chân Lạp, khi ngai vàng chao đảo, vương quyền lâm vào hoạn nạn và số phận một vị quốc vương trở nên mong manh trước những cơn sóng quyền lực, Hà Tiên đã hiện lên như một bến bờ che chở. Chính quyền họ Mạc không chỉ vận dụng sức mạnh của thương cảng, thành lũy và vị thế chiến lược nơi vùng biên hải, mà còn thể hiện một thứ quyền lực mềm thấm đẫm đạo nghĩa: dang tay tiếp nhận người gặp nạn, lấy lòng nhân làm nền cho ngoại giao, lấy sự bao dung làm phương tiện kết nối nhân tâm.

Trong nghĩa cử ấy, ta thấy rõ tầm vóc của Hà Tiên: Vùng đất tuy nằm nơi biên viễn nhưng không hề nhỏ bé trong đại cuộc. Nơi đây không chỉ biết phòng thủ

trước phong ba, mà còn biết mở cửa đón người sa cơ; không chỉ biết giữ đất, mà còn biết giữ nghĩa; không chỉ vận hành quyền lực bằng thế lực chính trị, mà còn bằng đức độ, tín nghĩa và lòng từ bi của người cư sĩ hộ đời.

Từ đó, Hà Tiên càng trở thành một mắt xích trọng yếu trong những biến chuyển phức tạp của chính trường Chân Lạp. Dưới bóng dáng chính quyền họ Mạc, vùng đất biên hải ấy đã bước ra khỏi khuôn khổ của một thương cảng phồn thịnh để trở thành một trung tâm ngoại giao mềm dẻo, một nơi nương náu của vương quyền lâm nạn, và một biểu tượng cho sức mạnh nhân văn trong dòng xoáy đầy bi kịch của lịch sử phương Nam.

Trước tình thế vương quyền rối loạn, chính quyền chúa Nguyễn quyết định phát binh thảo phạt Nặc Hinh (chữ Khmer: □□□□□□□□). Quân Đàng Trong tiến đánh, loại bỏ thế lực phản nghịch và từng bước ổn định lại cục diện. Trong tiến trình ấy, Cư sĩ Mạc Thiên Tích, với tư cách người bảo trợ cho Nặc Tôn, lại một lần nữa đứng ra thay mặt vị vương tử lưu vong dâng biểu lên triều đình Phú Xuân, xin chúa Nguyễn chuẩn thuận cho Nặc Tôn kế vị ngôi vua Chân Lạp.

Lời thỉnh cầu được chấp thuận.

Nặc Tôn được công nhận ngôi vị và sau đó trở thành Quốc vương Chân Lạp, thường được nhận diện trong một số hệ thống niên biểu với vua Outey II. Dưới sự hậu thuẫn của chính quyền Đàng Trong và vai trò vận động của Mạc Thiên Tích, vị tân vương được đưa trở về nước, tái lập vương quyền giữa một Chân Lạp vừa trải qua những năm tháng tranh đoạt khốc liệt.

Đối với Nặc Tôn, Hà Tiên không chỉ là nơi lánh nạn. Cư sĩ Mạc Thiên Tích cũng không chỉ là một vị thủ lĩnh láng giềng.

Trong giờ phút hiểm nghèo nhất của cuộc đời, chính Hà Tiên đã mở cửa dung thân, còn người đứng đầu họ Mạc đã đứng ra bảo trợ và góp phần đưa ông trở lại ngai vàng. Để đáp lại ân nghĩa ấy, Nặc Tôn đã trao cho Cư sĩ Mạc Thiên Tích một số vùng đất ở khu vực giáp Hà Tiên. Theo các thư tịch được lưu truyền, những vùng này gồm Hương Úc, nay thuộc khu vực Takeo; Sài Mạt; Linh Quỳnh; Cần Bột, tức Kampot ngày nay; và Vũng Thơm, vùng liên hệ với khu vực cảng biển Kampong Som - Ream.

Sự chuyển giao ấy đã làm thay đổi đáng kể bản đồ quyền lực ở vùng Tây Nam. Nhưng Cư sĩ Mạc Thiên Tích không giữ riêng những vùng đất vừa tiếp nhận như một lãnh địa độc lập của dòng họ. Giữ mối quan hệ thần thuộc với chúa Nguyễn, ông đem những vùng đất ấy dâng lên chính quyền Đàng Trong. Vũ

Vương Nguyễn Phúc Khoát (1714-1765), vị chúa Nguyễn thứ 8 cai trị xứ Đàng Trong chuẩn thuận và cho đặt các vùng đất mới vào phạm vi quản lý của trấn Hà Tiên.

Đây là một trong những thời điểm quan trọng nhất trong lịch sử phát triển cương vực Hà Tiên.

Từ một vùng đất ven biển nhỏ bé từng nhiều phen bị đe dọa bởi chiến tranh, phạm vi ảnh hưởng của Hà Tiên nay mở rộng đến những khu vực rộng lớn dọc miền duyên hải Tây Nam. Các tuyến đường bộ và đường biển được kết nối. Những cửa sông, thương cảng và vùng cư trú mới lần lượt đi vào mạng lưới quản trị của họ Mạc.

Hà Tiên bước vào thời kỳ cực thịnh. Uy thế của Cư sĩ Mạc Thiên Tích theo những đoàn thương thuyền lan xa trên các hải lộ Đông Nam Á. Trong ghi chép của một số thương nhân, giáo sĩ và người phương Tây từng đi qua vùng biển này, người đứng đầu Hà Tiên đôi khi được mô tả bằng những danh xưng tương đương với một vị "*vua Hà Tiên*".

Cách gọi ấy, dĩ nhiên, không đồng nghĩa với việc Cư sĩ Mạc Thiên Tích tự xưng đế hay thiết lập một vương triều độc lập theo ý nghĩa chính trị truyền thống của Đông Á. Nhưng nó phản ánh một thực tế đáng chú ý.

Trong con mắt của những người ngoại quốc, Hà Tiên là một thực thể chính trị có diện mạo riêng; còn Cư sĩ Mạc Thiên Tích hiện lên như người đứng đầu một vùng lãnh thổ có quân lực, thương cảng, bộ máy quản trị và khả năng giao thiệp với các thế lực bên ngoài.

12. Mô hình tự trị đặc thù của chính quyền họ Mạc

Nhìn lại tiến trình hình thành và phát triển của Hà Tiên, hai thế hệ nhị vị cư sĩ Phật tử Mạc Cửu và Mạc Thiên Tích đã xây dựng nên một mô hình chính quyền đặc thù ở vùng biên hải phương Nam.

Nòng cốt ban đầu của lực lượng họ Mạc là cộng đồng người Hoa di cư, cùng những nhóm cư dân từ nhiều nguồn gốc khác nhau. Trên nền tảng ấy, Hà Tiên dần trở thành nơi hội tụ của người Hoa, người Việt, người Khmer và nhiều cộng đồng thương nhân thường xuyên qua lại trên các tuyến hàng hải.

Về danh nghĩa chính trị, họ Mạc tiếp nhận sắc phong và giữ quan hệ thần thuộc với các chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Nhưng trong thực tế quản trị, Hà Tiên được

hưởng một mức độ tự chủ rất rộng.

Họ Mạc tổ chức lực lượng quân sự để phòng vệ. Bộ máy quan lại địa phương được điều hành theo những nhu cầu riêng của vùng đất. Hoạt động thương mại hải ngoại phát triển mạnh mẽ. Những mối giao thiệp với thương nhân và các thế lực bên ngoài cũng được tiến hành với một mức độ linh hoạt mà không phải địa phương nào trong lãnh thổ Đàng Trong cũng có được.

Chính đặc điểm ấy khiến Hà Tiên trở thành một hiện tượng đặc biệt trong lịch sử mở cõi phương Nam.

Mô hình của họ Mạc cũng có những điểm khác biệt đáng kể so với các nhóm di thần nhà Minh do Dương Ngạn Địch (楊彥迪, ? - 1688) và Trần Thượng Xuyên (1626-1720) dẫn đầu. Cùng rời bỏ quê hương trong những biến động sau khi nhà Minh sụp đổ, các nhóm người Hoa ấy đều tìm đường xuống phương Nam và xin nương nhờ chính quyền chúa Nguyễn. Tuy nhiên, Dương Ngạn Địch và Trần Thượng Xuyên được bố trí đến những vùng đất sâu hơn trong nội địa Nam Bộ, lần lượt góp phần khai phá Mỹ Tho và Biên Hòa.

Tại đó, họ cùng cộng đồng lưu dân từng bước hòa nhập vào cơ cấu hành chính đang được chính quyền Đàng Trong thiết lập.

Hà Tiên lại đi theo một con đường khác.

Khoảng cách địa lý xa xôi với trung tâm Phú Xuân, vị trí nằm sát Chân Lạp và Xiêm La, cùng đặc điểm của một thương cảng hướng ra biển đã khiến chính quyền chúa Nguyễn khó có thể quản trị Hà Tiên theo cùng một phương thức như Gia Định, Biên Hòa hay Mỹ Tho.

Hơn nữa, chính họ Mạc là những người trực tiếp khai phá, tổ chức cư dân, xây dựng lực lượng phòng vệ và tạo dựng nền kinh tế của vùng đất trước khi chính thức quy phục chúa Nguyễn.

Bởi vậy, mối quan hệ giữa Hà Tiên và Phú Xuân đã hình thành trên một nền tảng rất riêng.

Họ Mạc nhận sắc phong. Hà Tiên giữ đạo thần thuộc. Nhưng việc nội trị phần lớn vẫn nằm trong tay người đứng đầu dòng họ Mạc.

Chính sự kết hợp giữa thần thuộc và tự trị, giữa chính danh của chúa Nguyễn và năng lực điều hành của họ Mạc, đã tạo nên sức sống đặc biệt cho Hà Tiên. Vùng

đất ấy không chỉ là một tiền đồn biên viễn, cũng không chỉ là một thương cảng giàu có, mà còn là một thực thể chính trị - kinh tế linh hoạt, biết nương vào đại cuộc để tự bảo toàn và phát triển.

Trong dòng chảy mở cõi phương Nam, Hà Tiên vì thế mang một vị trí rất riêng. Đó là nơi quyền lực trung tâm gặp quyền lực địa phương; nơi cộng đồng di dân hòa vào cương vực Đại Việt; nơi hải thương, quân sự, ngoại giao và văn hóa cùng đan xen để hình thành một mô hình quản trị biên hải hiếm có trong lịch sử Việt Nam thế kỷ XVIII.

Và chính dưới thời Cư sĩ Mạc Thiên Tích, mô hình ấy đạt đến độ chín muồi: vừa đủ trung thành để được Phú Xuân tín nhiệm, vừa đủ tự chủ để điều hành một vùng đất phức hợp, vừa đủ mềm dẻo để xoay chuyển giữa Chân Lạp, Xiêm La và các thế lực thương mại biển, lại vừa đủ bản lĩnh để đưa Hà Tiên trở thành một trung tâm có ảnh hưởng trên bàn cờ địa chính trị Tây Nam.

13. Hà Tiên: Mô hình tự trị trong tiến trình mở cõi phương Nam

Nhà nghiên cứu Trần Kinh Hòa, một học giả có nhiều công trình quan trọng về lịch sử người Hoa và vùng đất Hà Tiên, khi khảo cứu về mối quan hệ đặc biệt giữa chính quyền họ Mạc và chúa Nguyễn từng nhận định rằng: Hà Tiên tuy đã trở thành thuộc hạ của Đàng Trong, nhưng chính quyền chúa Nguyễn hầu như không trực tiếp can thiệp sâu vào công việc nội trị; việc quản lý tại địa phương về cơ bản vẫn do dòng họ Mạc tự đảm trách.

Nhận định ấy giúp soi sáng một trong những đặc điểm độc đáo nhất của Hà Tiên thế kỷ XVIII.

Đối với chính quyền Đàng Trong, Hà Tiên là một vùng đất quy thuộc. Đối với họ Mạc, chúa Nguyễn là vị quân chủ mà họ tiếp nhận sắc phong và giữ trọn đạo thần thuộc.

Nhưng giữa hai bên không tồn tại một cơ chế quản trị hoàn toàn giống với quan hệ giữa triều đình trung ương và các đơn vị hành chính thông thường. Nếu mượn khái niệm chính trị hiện đại để diễn giải một cách tương đối, Hà Tiên có thể được hình dung như một thực thể tự trị vùng biên, đặt dưới sự bảo hộ và chủ quyền danh nghĩa của chính quyền Đàng Trong - một dạng "*political enclave*" đặc thù được điều hành từ xa, trong đó quyền quản trị thực tế phần lớn vẫn nằm trong tay dòng họ Mạc.

Đó là một sự lựa chọn đầy thực dụng của cả hai phía. Chúa Nguyễn cần Hà Tiên như một tiền đồn ở vùng Tây Nam, một cánh cửa hướng ra vịnh Xiêm và một vùng đệm chiến lược trước những biến động đến từ Chân Lạp, Xiêm La. Họ Mạc lại cần uy thế của chính quyền Đàng Trong làm điểm tựa chính trị và quân sự để bảo vệ cơ nghiệp nơi miền biên hải.

Một bên trao chính danh và sự bảo hộ. Một bên giữ đất, mở cõi và trấn giữ biên cương. Chính sự tương hỗ ấy đã tạo nên một mô hình chính trị hiếm thấy trong tiến trình Nam tiến của dân tộc. Hà Tiên không hoàn toàn là một đơn vị hành chính thông thường, cũng không phải một thực thể độc lập tách khỏi Đại Việt. Đó là một vùng đất nằm giữa nhiều lớp quyền lực: danh nghĩa thuộc về chúa Nguyễn, nội trị do họ Mạc điều hành, kinh tế dựa vào hải thương, còn an ninh luôn gắn với những biến động phức tạp của Chân Lạp, Xiêm La và vùng vịnh Xiêm.

Cũng chính nhờ khoảng không gian tự chủ tương đối rộng rãi ấy, Cư sĩ Mạc Thiên Tích đã có điều kiện đưa Hà Tiên bước vào một giai đoạn kiến thiết đặc biệt: vừa kiện toàn chính quyền, mở mang thương nghiệp, củng cố an dân, vừa vun bồi văn chương, học thuật và Phật giáo trong dòng giao lưu văn hóa rộng lớn của Đông Nam Á thế kỷ XVIII.

Giữa một thời đại mà chiến tranh, biến loạn và những cuộc tranh đoạt vương quyền vẫn không ngừng cuộn sóng, Hà Tiên dưới quyền họ Mạc đã vươn lên như một ngọn hải đăng nơi biển Tây. Ánh sáng ấy không chỉ soi đường cho thương thuyền qua lại, mà còn soi rọi niềm tin, đạo lý và khát vọng an cư của bách tính trăm họ nơi miền biên hải.

Một vùng đất nhỏ, nhưng biết mở tầm nhìn ra biển lớn. Một miền biên viễn, nhưng đủ bản lĩnh tham dự vào những chuyển động sâu xa của thời cuộc. Một chính quyền địa phương, nhưng có khả năng vận dụng trí lược, ngoại giao, văn hóa và đạo nghĩa để góp phần định hình cục diện của cả một vùng phương Nam.

Trên nền tảng chính trị và kinh tế đặc thù ấy, Hà Tiên dần mở ra một thời đại văn hiến rực rỡ: thời đại của Cư sĩ Mạc Thiên Tích, của Tao đàn Chiêu Anh Các, của những bậc cao tăng hoằng hóa, của hàng cư sĩ hộ đạo, và của ánh sáng Phật pháp từ bi, trí tuệ, hùng lực, tự do, bình đẳng ngày càng lan tỏa vào đời sống nhân gian. Đạo Phật nơi đây không chỉ an ủi lòng người giữa phong ba thời cuộc, mà còn nâng đỡ tinh thần cộng đồng, khơi mở thiện tâm, nuôi dưỡng phong hóa và góp phần đem lại sự an lạc, thịnh đạt cho cư dân Hà Tiên - vùng đất cuối trời phương Nam mà từ trong gian lao đã nở hoa văn hiến.

14. Cảng Khẩu Quốc, Côn Đại Ma, Bản Để Quốc: Hà Tiên trong thư tịch Đông - Tây

Địa vị tự chủ trên thực tế và tầm ảnh hưởng vượt ra ngoài phạm vi địa phương của chính quyền Hà Tiên trong thế kỷ XVII–XVIII không chỉ được ghi nhận trong thư tịch Việt Nam, mà còn phản chiếu khá rõ qua hệ thống tài liệu cổ của cả phương Đông lẫn phương Tây. Trên các hải đồ và trong những ghi chép hàng hải của người châu Âu, vùng đất này từng được nhận diện bằng nhiều danh xưng khác nhau như Can Cao, Cancar, Ponthiamas hay Po-Taimat. Những tên gọi ấy, tuy dị biệt về cách phiên âm, đều gợi lên hình ảnh một thương cảng nổi bật ở vùng biển Tây Nam.

Trong sử sách và văn hiến Trung Hoa đương thời, vùng đất do họ Mạc cai quản cũng được gọi bằng những danh xưng giàu sắc thái cảng thị và giao thương như Cảng Khẩu Quốc, Căn Khẩu Quốc, Côn Đại Ma - có thể liên hệ với cách phiên âm Banteay Meas - hoặc Bản Để Quốc. Sự xuất hiện của Hà Tiên trong nhiều hệ thống ghi chép khác nhau cho thấy vùng đất này đã vượt khỏi thân phận của một trấn biên thùy xa xôi, để trở thành một thực thể có tên tuổi trong mạng lưới hàng hải khu vực.
Pierre Poivre (1719-1786), một nhà thực vật học, nhà nhân chủng học, nhà du hành và đại sứ kiêm doanh nhân nổi tiếng người Pháp từng đến Đàng Trong vào giữa thế kỷ XVIII, đã để lại những trang ghi chép đặc biệt đáng chú ý về tiểu quốc cảng thị mà ông gọi là Cancar. Qua quan sát của ông, hải cảng này mở cửa cho thương thuyền ngoại quốc, không phân biệt quốc tịch hay nguồn gốc. Chính quyền sở tại áp dụng một chính sách thuế quan tương đối thông thoáng, tạo điều kiện cho tàu bè các nước trong vùng Nam Hải tìm đến trao đổi sản vật.

Điều khiến Poivre chú ý không chỉ là sự phồn thịnh của thương cảng, mà còn là tinh thần cởi mở trong quản trị. So với nhiều vương quốc phong kiến châu Á còn nặng tính khép kín, Cancar hiện lên như một điểm tụ hội thương mại hiếm có, nơi hoạt động buôn bán được khuyến khích, luật lệ được duy trì và tài sản của thương nhân được bảo hộ. Chính vì vậy, trong mắt những người phương Tây từng đi qua vùng biển này, Hà Tiên không chỉ là một địa danh trên bản đồ, mà là một cảng thị có sinh khí, có trật tự và có sức hút mạnh mẽ đối với thương thuyền bốn phương.

Từ lăng kính của các nhà hàng hải châu Âu, đối chiếu với ghi chép của thư tịch Trung Hoa và nguồn sử liệu Việt Nam, có thể thấy Hà Tiên thời họ Mạc là một hiện tượng đặc biệt trong lịch sử vùng Tây Nam. Trên danh nghĩa, đây là đất quy thuộc chính quyền chúa Nguyễn; nhưng trong thực tế, Hà Tiên lại vận hành với mức độ tự chủ rất rộng về nội trị, quân sự, thương mại và quan hệ giao tiếp

với thế giới bên ngoài.

Nếu mượn khái niệm chính trị hiện đại để diễn giải một cách tương đối, Hà Tiên có thể được xem như một thực thể tự trị vùng biên, một dạng "political enclave" đặc thù nằm trong phạm vi ảnh hưởng của Đàng Trong, nhưng vẫn giữ một không gian quản trị riêng dưới quyền họ Mạc. Chính cấu trúc ấy đã giúp vùng đất nhỏ bé nơi biển Tây trở thành một trung tâm kinh tế - quân sự năng động, có vị trí đáng kể trên bản đồ mậu dịch Đông Nam Á thế kỷ XVIII.

Trong những ghi chép của mình, Pierre Poivre cũng dành sự chú ý đặc biệt cho quá trình Cư sĩ Mạc Cửu khai phá vùng đất Cancar, hay Ponthiamas. Qua ngòi bút của nhà du hành người Pháp, Hà Tiên thuở ban đầu hiện lên như một miền đầm lầy hoang vu, thưa vắng và tiêu điều. Nhưng chỉ trong vài thập niên, dưới bàn tay tổ chức của họ Mạc, vùng đất ấy đã chuyển mình thành một cảng thị trù phú, nơi lưu dân tìm đến an cư, thương nhân tìm đến buôn bán và tàu thuyền ngoại quốc nối nhau cập bến.

Sự chuyển mình ấy không thể tách rời những chính sách an dân và khai khẩn có tính thực tiễn của Cư sĩ Mạc Cửu. Ông khuyến khích lưu dân đến lập nghiệp, ban cấp ruộng đất, giảm nhẹ tô thuế, hỗ trợ nông cụ và chú trọng xây dựng thủy lợi. Những biện pháp ấy không chỉ nhằm phát triển sản xuất, mà còn tạo dựng niềm tin cho những con người rời bỏ quê cũ, tìm đến vùng đất mới giữa thời loạn lạc.

Dưới ánh nhìn Phật giáo, có thể nói trong chính sách an dân ấy thấp thoáng tinh thần từ bi và bao dung của một người cư sĩ. Phật tử Mạc Cửu không chỉ khai mở đất đai, mà còn mở ra một không gian sinh tồn cho nhiều phận người tha hương. Ông biến vùng biên thùy hoang vắng thành nơi con người có thể cắm rễ, dựng nhà, lập chợ, cày ruộng và gây dựng tương lai.

Chính sự kết hợp giữa chính sách ruộng đất, thuế khóa khoan hòa, quản trị linh hoạt và thương mại cởi mở đã tạo nên sức hút đặc biệt của Hà Tiên. Dòng lưu dân từ nhiều phương tìm đến. Thương nhân các vùng biển xa ghé lại. Từ nền tảng dân cư ngày càng đông đúc ấy, nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương mại hải ngoại cùng phát triển, đưa Hà Tiên bước vào thời kỳ phồn thịnh hiếm thấy trong lịch sử các vùng biên viễn phương Nam.

Những ghi chép của phương Tây, khi đặt cạnh sử liệu triều đình và các công trình khảo cứu hiện đại, càng làm sáng tỏ vị thế độc đáo của Hà Tiên: một thương cảng tự trị, một vùng đất giao thoa văn hóa, và một đầu mối quan trọng trong dòng chảy thương mại khu vực.

Bối cảnh quốc tế lúc bấy giờ cũng góp phần làm cho Hà Tiên có điều kiện vươn mình mạnh mẽ hơn. Sau khi nhà Thanh bình định Đài Loan, chấm dứt thế lực của họ Trịnh vào năm Quý Hợi (1683), Hoàng đế Khang Hy chính thức bãi bỏ lệnh cấm biển vào năm Giáp Tý (1684). Quyết định khai phóng này tạo nên một bước ngoặt lớn đối với hoạt động mậu dịch hải ngoại của người Hoa, đồng thời tái định hình mạng lưới giao thương trên biển giữa Hoa Nam, Đàng Trong, Chân Lạp, Xiêm La và các thương cảng Đông Nam Á.

Từ đó, các tuyến hải hành giữa An Nam, Quảng Nam và vùng Hoa Nam ngày càng nhộn nhịp. Thương thuyền qua lại thường xuyên hơn. Hàng hóa, thư tín, sách vở, tăng sĩ, văn nhân và thương nhân cũng theo những con đường biển ấy mà di chuyển giữa các vùng đất.

Chính trên nền tảng giao lưu ấy, Cư sĩ Mạc Thiên Tích đã thiết lập quan hệ mật thiết với tầng lớp thân sĩ, danh sĩ vùng Quảng Đông và nhiều địa phương khác dưới triều Thanh. Nếu Cư sĩ Mạc Cửu nổi bật với tầm nhìn khai thương và dựng nghiệp, thì Cư sĩ Mạc Thiên Tích lại làm rạng danh Hà Tiên bằng văn chương, học thuật và phong thái trọng sĩ.

Một minh chứng đáng chú ý cho mối giao hảo văn học ấy được ghi lại trong Ngũ Sơn chí lâm - 五山志林, tác phẩm văn xuôi chữ Hán có giá trị lịch sử và văn học của La Thiên Xích - 羅天尺, 1686–1766. Trong sách có chép giai thoại *“Quan phiên tặng bạc”* - 番官贈銀, phản ánh hình ảnh Mạc Thiên Tích như một vị thủ lĩnh phương Nam biết kính trọng văn tài và trân quý đạo học.

Từ những danh xưng như Cảng Khẩu Quốc, Côn Đại Ma, Bản Để Quốc trong thư tịch phương Đông, đến Cancar, Ponthiamas hay Po-Taimat trong ghi chép phương Tây, Hà Tiên hiện lên như một vùng đất có nhiều lớp căn cước lịch sử. Đó vừa là một trấn biên thuộc về tiến trình mở cõi của Đại Việt, vừa là một cảng thị quốc tế trong mạng lưới hải thương Đông Nam Á; vừa là đất quy thuộc chúa Nguyễn, vừa là không gian tự trị dưới quyền họ Mạc; vừa là nơi thương nhân bốn phương tìm đến, vừa là miền văn hiến nơi văn chương, Phật giáo và tinh thần khai mở cùng hội tụ.

Chính vì vậy, lịch sử Hà Tiên không thể chỉ được đọc bằng một lăng kính đơn tuyến. Nó cần được nhìn từ nhiều phía: từ sử liệu Việt Nam, thư tịch Trung Hoa, ghi chép phương Tây, hải đồ hàng hải, truyền thống địa phương và cả dấu tích văn hóa Phật giáo còn lưu lại. Khi những nguồn tư liệu ấy được đặt cạnh nhau, Hà Tiên hiện ra như một giao điểm đặc biệt của lịch sử phương Nam - nơi biển cả, quyền lực, thương mại, văn hóa và đạo pháp cùng góp phần định hình số phận của một vùng đất.



Bài vị Quốc công Mạc Cửu đặt trên chính điện. Ảnh người dịch cung cấp.

15 .Cư sĩ Mạc Thiên Tích: Vị thủ lĩnh trọng Văn và bóng dáng Chiêu Anh Các

Từ thuở thiếu niên, Mạc Thiên Tích đã tỏ ra thông mẫn, giỏi thi ca, đặc biệt yêu thích thư họa. Ông từng tự đề đôi câu đối để nói lên chí hướng của mình:

"文章自本中原氣;
事業留為異國香."

Phiên âm:

"*Văn chương tự bản Trung Nguyên khí,*
Sự nghiệp lưu vi dị quốc hương."

Có thể dịch nghĩa:

"*Văn chương vốn thấm khí thiêng Trung Nguyên;*
Sự nghiệp để hương thơm nơi cõi lạ."

Hai câu ấy không chỉ là lời tự bạch của một người yêu văn chương. Chúng còn biểu hiện tâm thế đặc biệt của Mạc Thiên Tích: sinh trưởng và lập nghiệp nơi đất phương Nam, giữa một không gian đa tộc người, đa văn hóa, nhưng vẫn ý

thức sâu sắc về cội nguồn Hán học; đồng thời nuôi chí để lại một sự nghiệp có hương thơm nơi miền đất mới.

Thuở ấy, các thương nhân người Hoa thường xuyên qua lại An Nam và Hà Tiên. Biết Mạc Thiên Tích là người trọng sĩ, yêu thơ văn và kính chuộng tài danh, họ thường tìm xin thi văn, thư họa của các bậc danh sĩ vùng Quảng Đông để mang đến dâng tặng. Những món quà ấy không chỉ là vật phẩm văn chương, mà còn là những nhịp cầu nối Hà Tiên với thế giới học thuật Hoa Nam.

Từ một thương cảng nơi biên hải, Hà Tiên vì thế dần trở thành một không gian văn hóa đặc biệt. Nơi đây không chỉ có thương thuyền và hàng hóa. Không chỉ có thành lũy, quân binh và những cuộc bang giao chính trị. Mà còn có thơ văn, thư họa, những cuộc kết giao giữa văn nhân phương xa và một vị thủ lĩnh miền Nam đất Việt.

Chính trong bầu khí ấy, dưới sự bảo trợ và khích lệ của Mạc Thiên Tích, đời sống văn học Hà Tiên ngày càng nở rộ. Những cuộc giao du thi ca, những buổi xướng họa giữa tao nhân mặc khách, cùng sự gặp gỡ giữa Nho học, Phật giáo, thương nghiệp và văn hóa biển đã tạo nên một sắc thái rất riêng cho vùng đất này.

Hà Tiên, từ một thương cảng tự trị, đã dần bước vào hàng ngũ những trung tâm văn hiến phương Nam. Và từ đây, bóng dáng của Chiêu Anh Các - một tao đàn lẫy lừng bên bờ biển Tây - bắt đầu hiện ra trong ánh sáng rực rỡ của văn chương, đạo học và Phật pháp.

Một ngày nọ, trong khu nội uyển Hà Tiên, Cư sĩ Mạc Thiên Tích mở tiệc khoản đãi những hải thương từ phương xa đến buôn bán. Giữa cảnh chủ khách tương hoan, câu chuyện dần rời khỏi những chuyến hải trình, giá cả và sản vật, để chuyển sang thi từ, thư họa cùng những bậc danh sĩ đương thời.

Vốn là người say mê văn chương và đặc biệt kính trọng kẻ sĩ, Cư sĩ Mạc Thiên Tích bỗng hỏi thăm về một vị được người đời tôn xưng là "*Ngũ Sơn tiên sinh*".

Nghe hỏi, một thương khách từ Quảng Đông kính cẩn thưa: "*Ấy quả là bậc phúc nhân hiếm có trên đời. Gia môn bốn đời, từ ông, cha đến con cháu, đều có người đăng khoa hiển đạt. Bản thân tiên sinh nay tuổi đã chín mươi mà bước chân vẫn vững, tiếng ngâm thơ vẫn hào sảng như thuở tráng niên.*"

Cư sĩ Mạc Thiên Tích nghe vậy lấy làm vui, lại hỏi thêm về những bậc văn sĩ khác trong vùng.

Câu chuyện khi ấy mới nhắc đến Lương Loan, tự Trọng Loan - một nhà thơ nghèo sống tại Hoa Điền, huyện Thuận Đức, tỉnh Quảng Đông. Người thương khách bỗng chùng giọng: *"Còn Lương Trọng Loan thì cảnh ngộ thật khác xa. Tuổi đã gần bảy mươi, gia đình nghèo khó, lại không có con nối dõi. Một đời ôm văn chương mà sống, đến lúc tuổi già vẫn chưa biết rồi đây hậu sự sẽ nương nhờ vào ai."*

Giữa buổi yến tiệc đang vui, lời ấy khiến không khí chợt lắng xuống. Mạc Thiên Tích im lặng hồi lâu. Ông chưa từng gặp Lương Trọng Loan. Giữa Hà Tiên và Hoa Điền là muôn dặm hải trình. Một người là vị Đô đốc đang cai quản vùng đất phồn thịnh bên bờ biển Tây Nam; một người chỉ là nhà thơ nghèo nơi thôn dã Quảng Đông.

Hai con người dường như chẳng có mối liên hệ nào. Nhưng văn chương đã khiến khoảng cách ấy trở nên gần gũi.

Nghe biết cảnh ngộ của người tài hoa đang sống những năm cuối đời trong nghèo khó, Cư sĩ Mạc Thiên Tích không khỏi bùi ngùi, khẽ than: "*Nếu tiên sinh quả đang lâm vào cảnh khốn cùng, ta chỉ mong sớm được biết tin.*"

Lời nói tưởng chỉ thoảng qua giữa một buổi tiệc. Nhưng Cư sĩ Mạc Thiên Tích đã không quên.

Ít lâu sau, từ thương cảng Hà Tiên, ông đặc biệt sai bốn viên phiên quan theo đường biển sang Trung Hoa. Họ mang theo một món quà khác thường để trao tận tay Lương Trọng Loan. Đó là một cỗ thọ quan làm bằng gỗ sa mộc quý.

Theo ghi chép đương thời, giá trị của cỗ thọ quan ấy tương đương hơn hai trăm lạng bạc - một khoản tiền không nhỏ vào thế kỷ XVIII. Đối với một nhà thơ nghèo tuổi đã xế chiều, món quà ấy không chỉ có giá trị vật chất.

Trong quan niệm xã hội Đông Á xưa, người cao tuổi không con cái, gia cảnh lại bần hàn, thường mang một nỗi lo âm thầm về hậu sự. Có được một cỗ thọ quan tử tế là có được sự an lòng trước phút cuối của kiếp người.

Cư sĩ Mạc Thiên Tích hiểu điều ấy. Ông chưa từng gặp Trọng Loan. Cũng chưa từng nhận nơi người thi sĩ nghèo kia một ân huệ nào. Chỉ vì nghe rằng nơi đất Quảng Đông xa xôi có một người yêu văn chương, tài hoa mà cảnh đời khốn khó, ông đã từ Hà Tiên vượt muôn trùng sóng biển gửi sang một nghĩa cử. Đó không phải là sự ban thưởng của một vị quan dành cho thuộc hạ. Cũng không phải lễ vật của một người cầu danh đối với kẻ có quyền thế. Đó là tấm lòng của

một người trọng văn dành cho một người đã sống trọn đời cùng văn chương.

Qua câu chuyện ấy, hình ảnh Cư sĩ Mạc Thiên Tích hiện lên thật đặc biệt: một vị thủ lĩnh nắm binh quyền nơi biên hải, nhưng trong lòng vẫn dành chỗ trang trọng cho thi ca, nghĩa tình và đạo học. Ông hiểu rằng văn chương không chỉ làm đẹp cho đời, mà còn giữ lại phẩm giá của con người giữa những đổi thay của thế sự.

Chính phong thái trọng sĩ ấy đã góp phần làm nên khí chất văn hiến của Hà Tiên. Nơi góc biển phương Nam, giữa thương thuyền, thành lũy và những cơn sóng địa chính trị không ngừng dội tới, Cư sĩ Mạc Thiên Tích vẫn âm thầm dựng lên một không gian tinh thần thanh nhã - nơi kẻ sĩ được quý trọng, văn chương được nâng niu, và lòng nhân được thể hiện bằng những nghĩa cử vượt qua biên giới đất nước.

Từ đây, Hà Tiên không chỉ được nhớ đến như một cảng khẩu phồn hoa. Hà Tiên còn bắt đầu được nhìn nhận như một miền văn hiến. Và trong ánh sáng ấy, Chiêu Anh Các sẽ ra đời như kết tinh rực rỡ của một thời đại mà quyền lực, văn chương, đạo học và Phật pháp cùng hội tụ bên bờ biển Tây Nam.

16. Nghĩa cử trọng Văn và tấm lòng Tri ngộ của Cư sĩ Mạc Thiên Tích

Năm Nhâm Tuất 1742, dưới thời vị chúa Nguyễn thứ 8 của chính quyền Đàng Trong, Vũ Vương Nguyễn Phúc Khoát (1714-1765), La Thiên Xích có dịp gặp Lương Trọng Loan tại chùa Hải Tràng - một trong năm đại danh lam cổ tự lớn nhất tại thành phố Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

Giữa không gian thanh tịch của chốn thiền môn, câu chuyện năm xưa về món quà từ Hà Tiên lại được nhắc đến.

Khi ấy, Lương Trọng Loan đã bước sâu vào tuổi xế chiều. Nhắc đến vị Đô đốc nơi hải ngoại mà mình chưa từng một lần diện kiến, người thi sĩ già không giấu được niềm xúc động. Ông chậm rãi ngâm lại bài Tạ tặng tuế thi - 謝贈櫏詩 - bài thơ viết để tạ ơn món thọ quan được gửi đến từ phương Nam.

Tiếng thơ của người già ngân lên giữa chùa Hải Tràng. Một đầu câu chuyện là Quảng Châu. Đầu kia là Hà Tiên. Ở giữa là biển cả mênh mông. Nhưng một cỗ thọ quan và một bài thơ đã nối hai con người chưa từng gặp mặt lại với nhau.

Chứng kiến cảnh ấy, La Thiên Xích không khỏi xúc động. Trong Ngũ Sơn chí lâm, ông đã để lại một lời cảm thán: "*Bậc phiên quan nơi hải ngoại mà còn biết mến chuộng tài hoa, tôn trọng người nghĩa khí; lòng hiệp nghĩa ở đời há lại phân biệt ranh giới Hoa – Di hay sao!*"

Lời cảm thán ấy, vượt qua giới hạn của một giai thoại văn chương, đã vô tình lưu giữ cho hậu thế một nét đẹp trong con người Cư sĩ Mạc Thiên Tích. Trong mắt một số sĩ phu Trung Hoa đương thời, Hà Tiên vẫn là miền đất xa xôi ngoài hải ngoại. Người đứng đầu nơi ấy có thể bị gọi bằng danh xưng "*phiên quan*" - một cách gọi còn mang dấu vết của quan niệm Hoa – Di truyền thống.

Nhưng chính nghĩa cử của Cư sĩ Mạc Thiên Tích đã khiến La Thiên Xích phải đặt lại câu hỏi về ranh giới ấy. Tài hoa có biên giới hay không? Nghĩa khí có phân biệt Trung Nguyên và hải ngoại hay không? Một tấm lòng biết thương người, kính trọng văn tài và trân quý kẻ sĩ, há có thể bị ngăn cách bởi núi sông và biển cả?

Có lẽ chính vì vậy mà câu chuyện "*Quan phiên tặng bạc*" được lưu truyền. Không phải vì giá trị hai trăm lạng bạc. Cũng không phải vì cỗ thọ quan bằng gỗ sa mộc quý. Điều khiến câu chuyện sống mãi chính là tấm lòng của một người ở Hà Tiên đã hướng về một thi sĩ nghèo nơi Quảng Đông xa xôi.

Qua một món quà gửi vượt biển, người đời nhận ra rằng Cư sĩ Mạc Thiên Tích không chỉ là vị Đô đốc trấn giữ biên cương, một nhà chính trị hay người chủ trì Tao đàn Chiêu Anh Các. Ẩn sau quyền uy của người đứng đầu Hà Tiên còn là một tâm hồn hết sức tinh tế: một người biết yêu thơ, biết kính trọng người tài và biết chạnh lòng trước cảnh cô độc, nghèo khó của một con người mà mình chưa từng gặp mặt.

Có lẽ, chính từ những phẩm chất ấy, người ta mới hiểu vì sao dưới thời Cư sĩ Mạc Thiên Tích, Hà Tiên có thể trở thành nơi hội tụ của văn nhân bốn phương. Bởi văn hiến không thể chỉ dựng nên bằng thành quách. Một tao đàn cũng không thể chỉ hình thành bằng những bài thơ. Muốn người tài tìm đến, trước hết phải có một người biết quý trọng tài hoa. Và ở Hà Tiên thế kỷ XVIII, Cư sĩ Mạc Thiên Tích chính là người đã mở rộng cánh cửa ấy.

Từ lòng trọng sĩ của ông, những nhịp cầu văn chương vượt biển dần được nối kết. Để rồi giữa miền đất phương Nam xa xôi, Chiêu Anh Các từng bước trở thành một điểm hội tụ của thi ca và học thuật - nơi văn chương có thể vượt qua biên giới, vượt qua nguồn gốc, và thậm chí vượt qua cả quan niệm Hoa - Di vốn đã tồn tại hàng nghìn năm trong thế giới Đông Á.

Nhân vật được nhắc đến trong giai thoại trên không ai khác chính là Đô đốc Mạc Thiên Tích - vị chủ soái trấn Hà Tiên thuộc An Nam, người mà một số thư tịch triều Thanh đương thời thường gọi bằng danh xưng "*phiên quan họ Mạc*". Cách gọi ấy, xét trong quan niệm Hoa - Di của giới sĩ phu Trung Hoa thời bấy giờ, vốn dùng để chỉ một vị quan cai trị ở miền đất ngoài Trung Nguyên. Thế nhưng điều đặc biệt là tên tuổi của vị "*phiên quan*" nơi biển Nam xa xôi ấy lại không hề xa lạ trong giới văn nhân Quảng Đông.

Trái lại, văn tài, khí độ và phong thái trọng sĩ của Cư sĩ Mạc Thiên Tích đã vượt qua trùng dương, theo những đoàn hải thương, những cuộc tao phùng và những áng thi văn mà truyền đến tận vùng Hoa Nam, để lại tiếng vang trong giới sĩ lâm đương thời.

Trong số những câu thơ thường được nhắc đến khi nói về chí hướng và tâm thế lập thân của ông, nổi bật là đôi câu đối:

"文章自本中原氣;
事業留為異國香."

Phiên âm:

"*Văn chương tự bản Trung Nguyên khí,*
Sự nghiệp lưu vi dị quốc hương."

Có thể dịch nghĩa:

"*Văn chương vốn đượm khí thiêng Trung Nguyên;*
Sự nghiệp lưu hương thơm nơi miền đất lạ."

Chỉ mười bốn chữ ngắn gọn, nhưng dường như đã gói trọn tầm vóc tinh thần của Cư sĩ Mạc Thiên Tích.

Một mặt, ông ý thức sâu sắc về nguồn mạch văn hóa Hán học mà mình tiếp nhận. "*Trung Nguyên khí*" ở đây không chỉ là một không gian địa lý, mà còn là biểu tượng của cốt cách văn chương, truyền thống học thuật, đạo lý sĩ phu và chiều sâu văn hiến của một nền văn hóa lâu đời.

Nhưng mặt khác, chí hướng của ông lại không dừng ở hoài niệm cố hương hay khát vọng công danh nơi đất cũ. Tâm nguyện của ông đặt nơi "*dị quốc*" - miền đất mới, nơi sự nghiệp được gây dựng, nơi nhân tâm cần được khai mở, nơi

hương thơm văn hiến có thể được vun bồi giữa biển trời phương Nam.

Và miền đất ấy chính là Hà Tiên. Đó là vùng biên hải nơi Cư sĩ Mạc Thiên Tích đã sinh trưởng, lập nghiệp, nuôi chí lớn và dành trọn tài năng để kiến tạo một thời đại văn hiến rực rỡ. Với ông, văn chương không chỉ là thú ngâm vịnh thanh cao của tao nhân mặc khách, mà còn là phương tiện giáo hóa lòng người; thi phú không chỉ để lưu danh, mà còn để khai tâm, mở trí, nâng đỡ tinh thần cho một cộng đồng lưu dân đang từng ngày tìm kiếm nơi an cư và nếp sống yên lành.

Hai câu thơ ấy vì thế không chỉ là lời tự bạch của một thi nhân. Đó còn là tuyên ngôn lập thân của một con người đứng giữa hai dòng chảy văn hóa. Một bên là nguồn mạch Hán học uyên áo, hun đúc khí phách văn chương và phong thái sĩ phu.

Một bên là miền đất phương Nam đang từng ngày hình thành diện mạo mới, cần đến trí tuệ, đạo nghĩa và lòng từ bi để quy tụ nhân tâm, ổn định xã hội, dựng lập phong hóa.

Cư sĩ Mạc Thiên Tích đã tiếp nhận tinh hoa của truyền thống cũ, nhưng không chọn quay về Trung Nguyên để cầu lấy công danh. Ông đem vốn văn hóa ấy gieo xuống Hà Tiên, như gieo hạt lành trên một miền đất mới. Từ vùng đất từng bị xem là "*hải ngoại*", ông đã góp phần làm nảy nở một đời sống văn chương, đạo học và Phật pháp đầy sinh khí.

Trong sự nghiệp ấy, suối nguồn từ bi của đạo Phật như dòng nước mát âm thầm tưới lên đất và người Hà Tiên. Phật pháp không chỉ hiện diện nơi mái chùa, tiếng chuông, hương trầm, mà còn thấm vào đời sống cộng đồng như một sức mạnh tinh thần: xoa dịu nỗi khổ của người tha hương, nuôi dưỡng lòng nhân ái, mở rộng tâm lượng bao dung và khơi dậy trí tuệ hướng thiện giữa một xã hội đa sắc tộc nơi miền biên viễn.

Chính nhờ vậy, dưới thời Cư sĩ Mạc Thiên Tích, Hà Tiên không chỉ có thương thuyền, thành lũy và ngoại giao; nơi đây còn có thi đàn, đạo học, chùa chiền, cao tăng và những cuộc tri ngộ văn chương vượt khỏi biên giới địa phương. Đôi câu đối của ông đã vượt biển, lưu truyền trong giới sĩ lâm Hoa Nam và nhận được sự chú ý của những văn nhân danh tiếng đất Quảng Đông.

Trong số ấy có La Thiên Xích. Từ cuộc gặp gỡ giữa La Thiên Xích và Lương Trọng Loan tại chùa Hải Tràng, từ bài thơ tạ ơn của một thi sĩ nghèo, từ lời cảm thán về nghĩa khí không phân biệt Hoa - Di, hậu thế có thể nhận ra một chiều sâu khác trong lịch sử Hà Tiên. Đó không chỉ là lịch sử của hải thương, quân sự và

quyền lực biên cương, mà còn là lịch sử của văn chương, tình người, đạo nghĩa và tinh thần tri ngộ.

Chính phẩm chất ấy đã làm cho Hà Tiên dưới thời Cư sĩ Mạc Thiên Tích vượt lên khỏi hình ảnh của một thương cảng phồn hoa. Nơi đây trở thành một miền văn hiến có linh hồn: nơi quyền lực được làm mềm bởi thi ca, nơi thương mại được nâng đỡ bởi đạo học, nơi lòng người được tưới mát bởi từ bi, và nơi trí tuệ Phật pháp âm thầm soi sáng đời sống tinh thần của một cộng đồng đa sắc tộc giữa biển trời phương Nam.

Từ đó, Hà Tiên không chỉ lưu lại dấu ấn của một thời thịnh đạt, mà còn để lại hương thơm của một miền đất biết dùng văn chương để mở lòng người, dùng đạo học để dựng phong hóa, và dùng Phật pháp để khai tâm, mở trí, đem lại sự an hòa cho bách tính trăm họ.

17. La Thiên Xích và nhịp cầu văn chương giữa Hà Tiên - Quảng Đông

La Thiên Xích - 羅天尺, 1686-1766 - tự Lý Tiên, hiệu Thạch Hồ, người Thuận Đức, là một thi nhân và học giả có danh vọng dưới thời Thanh. Sinh trưởng trong giai đoạn văn trị tương đối hưng thịnh của ba triều Khang Hy, Ung Chính và Càn Long, ông sớm nổi tiếng trong giới học thuật nhờ học vấn uyên bác và sở trường thi văn.

Tài năng của La Thiên Xích được nhiều học giả đương thời trọng vọng. Ông từng được Tuệ Sĩ Kỳ - 惠士奇 (1671-1741) - một bậc kinh học danh tiếng, từng giữ chức Ngự sử dưới triều Thanh, đặc biệt chú ý và xếp vào hàng những môn sinh nổi bật của "*Huệ môn*".

Uy tín văn học của La Thiên Xích còn được phản ánh trong bài Thuận Đức La Hiếu liêm Thiên Xích thi văn cảo tự - 順德羅孝廉天尺詩文稿序. Trịnh Hổ Văn - 鄭虎文 (1714-1784) - một đại thần kiêm văn sĩ triều Thanh, khi đề tựa cho thi văn của ông đã dành lời đánh giá rất cao: "*La Hiếu liêm dùng thi văn hùng cứ đàn anh suốt ba, bốn mươi năm; người Quảng Đông khi suy tôn các bậc danh túc, đều xếp Hiếu liêm ở hàng đầu.*"

Một lời phẩm bình như thế cho thấy La Thiên Xích không phải là người chép chuyện vô danh hay một lữ khách tình cờ nghe được giai thoại nơi quán chợ.

Ông là một nhân vật có vị trí trong văn đàn Quảng Đông. Bởi vậy, việc chính La Thiên Xích ghi lại câu chuyện về Cư sĩ Mạc Thiên Tích và Lương Trọng Loan

trong Ngũ Sơn chí lâm mang một ý nghĩa sử liệu đặc biệt.

Qua ngòi bút của một danh sĩ Hoa Nam, hình ảnh vị Đô đốc Hà Tiên đã đi vào không gian văn học của triều Thanh. Không phải với tư cách một võ tướng xa lạ. Cũng không chỉ như người đứng đầu một thương cảng ngoài biển.

Cư sĩ Mạc Thiên Tích xuất hiện như một con người biết yêu văn chương, kính trọng tài hoa và trân quý nghĩa khí. Chính điều ấy giúp chúng ta hình dung rõ hơn về bối cảnh giao lưu giữa Hà Tiên và vùng Hoa Nam trong thế kỷ XVIII.

Thương thuyền Trung Hoa đến Hà Tiên không chỉ mang theo tơ lụa, đồ sứ, trà, dược liệu hay những sản vật phục vụ hoạt động mậu dịch.

Trên những con thuyền ấy còn có sách vở. Có thư tín. Có thi tập. Có những câu chuyện về các danh sĩ Quảng Đông. Và đôi khi, có cả những bài thơ được người phương xa trân trọng gửi về Hà Tiên. Ngược lại, từ Hà Tiên, những áng văn của Cư sĩ Mạc Thiên Tích cùng tiếng thơ của các văn nhân Chiêu Anh Các cũng theo bước hải thương vượt biển, tìm đường đến với giới sĩ lâm Hoa Nam.

Biển cả, trong trường hợp ấy, không còn là khoảng cách. Biển trở thành con đường của văn chương. Những ghi chép của La Thiên Xích về mối giao hảo giữa Cư sĩ Mạc Thiên Tích và nho sĩ Lương Trọng Loan vì thế không chỉ là một giai thoại đẹp về lòng trọng sĩ. Ẩn phía sau câu chuyện ấy là cả một mạng lưới giao lưu văn hóa đang vận hành giữa Hà Tiên và Quảng Đông.

Các hải thương người Hoa khi đến Hà Tiên giao dịch được chính quyền họ Mạc tiếp đãi và tạo điều kiện thuận lợi. Với bản tính hiếu khách, trọng sĩ và tư tưởng khai phóng, Cư sĩ Mạc Thiên Tích không xem thương nhân chỉ là những người mang hàng hóa đến cảng. Họ còn là những người mang tin tức từ thế giới bên ngoài. Là những chiếc cầu nối Hà Tiên với các trung tâm văn hóa Hoa Nam.

Và đôi khi, chính họ trở thành những "*sứ giả văn chương*" không mang chức tước ngoại giao, nhưng lại âm thầm chuyên chở thi văn, thư tín và tình bằng hữu vượt qua hàng nghìn dặm biển.

Có thể nói, chính nền thương mại hải dương phồn thịnh đã tạo nên cơ sở vật chất cho sự giao lưu ấy; còn tinh thần khai phóng và lòng trọng sĩ của Cư sĩ Mạc Thiên Tích đã trao cho nó một chiều sâu văn hóa.

Kinh tế mở đường cho những con thuyền. Nhưng văn chương khiến những con người trên các con thuyền ấy tìm thấy nhau.

Từ mối giao lưu ấy, Hà Tiên và Quảng Đông dần hình thành một mạng lưới liên hệ đặc biệt trên cả hai phương diện thương mại và văn hóa. Hàng hóa qua lại giữa các thương cảng; còn thơ văn, thư họa và thanh danh của những bậc tài sĩ cũng theo sóng biển mà lưu truyền.

Đó chính là một trong những nền tảng quan trọng giúp lý giải vì sao, giữa một vùng biên hải xa xôi của phương Nam vào thế kỷ XVIII, lại có thể xuất hiện một tao đàn mang tầm vóc vượt khỏi phạm vi địa phương như Chiêu Anh Các.

Chiêu Anh Các không sinh ra trong sự cô lập. Đằng sau ánh sáng văn chương của tao đàn ấy là những hải lộ rộng mở. Là những đoàn thương thuyền nối Hà Tiên với Quảng Đông. Là những tập thơ vượt biển. Là những cuộc xướng họa giữa những con người chưa từng gặp mặt. Và trên hết, là một vị chủ soái Hà Tiên đã hiểu rằng muốn xây dựng một miền văn hiến, trước hết phải biết mở lòng với văn chương và mở cửa đón người tài.

Người ấy chính là Cư sĩ Cư sĩ Mạc Thiên Tích.

Từ đó, Hà Tiên không chỉ còn là một cảng khẩu của hàng hóa, tiền tệ và những tuyến mậu dịch biển. Hà Tiên trở thành một cảng khẩu của tinh thần - nơi thi ca, đạo học, tình tri ngộ và ánh sáng Phật pháp cùng neo lại bên bờ biển Tây Nam, để làm nên một chương văn hiến đặc biệt trong lịch sử phương Nam.

18. Hà Tiên trên hải trình Quảng Đông - Xiêm La qua tấu sớ Triều Thanh

Đến năm Đinh Hợi 1767, năm thứ ba dưới thời Định Vương Nguyễn Phúc Thuần (1777-1777) - vị chúa thứ chín của chính quyền Đàng Trong - vị thế của Hà Tiên trên mạng lưới hàng hải Đông Á và Đông Nam Á đã được phản ánh khá rõ trong chính hệ thống tấu sớ hành chính của triều đình nhà Thanh.

Năm ấy, Tổng đốc Lưỡng Quảng Lý Thị Nghiêu - 李侍堯 (?1788) - dâng sớ lên triều đình, trình bày chi tiết về tuyến hải hành từ Quảng Đông qua Hà Tiên để tiến đến Xiêm La.

Đây là một tư liệu đặc biệt đáng chú ý. Bởi người ghi chép không phải một thi nhân đi tìm phong cảnh, cũng không phải một thương khách kể lại chuyện đường xa. Đó là vị quan đứng đầu bộ máy hành chính Lưỡng Quảng, đang báo cáo với triều đình nhà Thanh về một tuyến hàng hải có ý nghĩa thực tế đối với hoạt động giao thương, quản lý hải vực và nhận diện các điểm trung chuyển

trọng yếu trên vùng biển phương Nam.

Trong bản tấu ấy, Hà Tiên xuất hiện như một địa điểm được xác định rõ ràng trên hải trình từ Hoa Nam xuống vùng vịnh Xiêm.

Không phải một vùng đất mơ hồ nơi cuối biển. Mà là một cảng thị có tên gọi, có người cai quản và có vị trí cụ thể trong mạng lưới hàng hải đương thời. Bản tấu của Lý Thị Nghiêu chép đại ý: "*Khởi hành từ Hổ Môn thuộc địa giới Quảng Đông, vượt biển đến cảng khẩu An Nam, nơi có địa danh là trấn Hà Tiên, thủy trình tính được bảy nghìn ba trăm dặm. Vùng đất này thuộc quyền quản hạt của nước An Nam, hiện do thổ quan họ Mạc trấn giữ. Từ trấn Hà Tiên lại căng buồm đi đến địa phận Chiêm Trạch Vấn, thủy trình ước một nghìn bốn trăm dặm. Nơi ấy thuộc quyền quản hạt của Xiêm La, do phiên quan gốc Hoa là Phổ Lan trấn giữ. Từ Chiêm Trạch Vấn tiến vào kinh thành Xiêm La, thủy trình hơn một nghìn sáu trăm dặm. Tổng cộng, từ Hổ Môn thuộc Quảng Đông đến kinh đô Xiêm La, đường biển dài hơn một vạn ba trăm dặm. Khoảng giữa tháng Chín, gặp tiết gió Bắc thuận lợi, thương thuyền có thể giương buồm viễn hành. Nếu được thuận gió, chỉ khoảng nửa tháng là đến; bằng gặp gió nước không thuận, phải mất hơn bốn mươi ngày mới tới nơi. Nay xét thương thuyền bản cảng, vào giữa tháng Chín khởi hành từ Quảng Đông, sang cảng khẩu An Nam mậu dịch, tính theo lịch trình thì khoảng tháng Mười một sẽ cập bến...*"

Chỉ vài dòng trong một bản tấu hành chính, nhưng trước mắt người đọc hiện ra cả một hải lộ rộng lớn.

Hổ Môn. Hà Tiên. Chiêm Trạch Vấn. Rồi kinh thành Xiêm La.

Những địa danh ấy được nối với nhau bằng hàng vạn dặm sóng nước. Và nằm gần giữa tuyến hải hành ấy là Hà Tiên.

Từ Hổ Môn đến Hà Tiên, bản tấu ghi nhận thủy trình khoảng bảy nghìn ba trăm dặm. Từ Hà Tiên đến Chiêm Trạch Vấn - tức Chanthaburi - khoảng một nghìn bốn trăm dặm; rồi từ đó tiến sâu vào kinh đô Xiêm La thêm hơn một nghìn sáu trăm dặm nữa.

Cách ghi chép của Lý Thị Nghiêu cho thấy các quan chức nhà Thanh đã có nhận thức khá cụ thể về vị trí địa lý và vai trò của Hà Tiên trên tuyến giao thương phương Nam. Đặc biệt đáng chú ý là cụm từ "*thổ quan họ Mạc trấn giữ*."

Trong cách nhìn của bộ máy hành chính nhà Thanh, Hà Tiên được xác định thuộc phạm vi quản hạt của An Nam, nhưng người trực tiếp nắm quyền tại địa

phương lại được nhận diện rõ ràng là họ Mạc.

Chỉ một cách ghi như thế cũng phần nào phản ánh vị thế đặc thù của chính quyền Hà Tiên. Đối với những người đi biển từ Quảng Đông, họ không chỉ nói rằng mình đến An Nam.

Họ đến Hà Tiên. Và tại Hà Tiên, họ gặp chính quyền họ Mạc.

Tấu sớ của Lý Thị Nghiêu còn cung cấp những chi tiết quý giá về mùa gió và thời gian hải hành. Thương thuyền thường rời Quảng Đông vào khoảng giữa tháng Chín, khi gió Bắc bắt đầu thuận lợi cho hành trình xuống phương Nam. Nếu trời yên biển thuận, toàn tuyến có thể hoàn thành trong khoảng nửa tháng. Nhưng khi gió nước trái chiều, cuộc hành trình có thể kéo dài hơn bốn mươi ngày.

Biển cả quyết định lịch trình. Gió mùa quyết định vận mệnh của những con thuyền. Và các thương cảng như Hà Tiên trở thành nơi người đi biển tìm đến để neo đậu, giao dịch, tiếp tế và chờ đợi mùa gió kế tiếp.

Bởi vậy, Hà Tiên không chỉ là điểm đến của thương nhân. Nó còn là một mắt xích trên con đường biển nối Hoa Nam với vùng vịnh Xiêm.

Nếu tấu sớ của Lý Thị Nghiêu cho chúng ta thấy Hà Tiên từ góc nhìn hành chính của triều đình nhà Thanh, thì những thư tịch kỹ thuật hàng hải cổ của Trung Hoa lại đưa người đọc xuống tận boong thuyền, theo chân những thủy thủ vượt qua từng đảo nhỏ, từng bãi cạn, từng dãy núi ven biển và từng hướng gió trên đại dương.

Một trong những tài liệu đáng chú ý nhất là Chỉ Nam Chính Pháp - 指南正法 - tập hải trình được biên soạn vào đầu thế kỷ XVIII, khoảng những năm cuối đời Khang Hy.

Đây không phải một tập du ký. Cũng không phải một tác phẩm văn chương. Nó là một loại chỉ dẫn hàng hải.

Trong đó, người đi biển ghi lại phương hướng, thời gian hành trình, độ sâu của nước, đặc điểm đáy biển và những dấu mốc địa hình có thể quan sát từ ngoài khơi. Chính vì vậy, giá trị của Chỉ Nam Chính Pháp không chỉ nằm ở thông tin địa lý, mà còn ở chỗ nó phản ánh kinh nghiệm thực tiễn của những con người từng trực tiếp sống với biển, đi theo gió mùa và nương vào các dấu hiệu tự nhiên để vượt qua những hải trình dài đầy bất trắc.

Giữa những trang ghi chép ấy có hải trình mang tên "*Cảng Nam Campuchia đi Bút Giá và Bành Phường Tây*" - 柬埔寨南港往筆架並彭坊西.

Tên gọi ấy tự nó đã mở ra một bản đồ hàng hải sống động: từ vùng cảng phía Nam của Campuchia, thuyền bè theo tuyến biển đi đến Bút Giá, rồi tiếp tục hướng về Bành Phường Tây. Khi đặt tuyến hải trình này cạnh bản tấu của Lý Thị Nghiêu, người đọc có thể nhận ra rằng vùng biển Hà Tiên không hề nằm ngoài tầm hiểu biết của các thủy thủ, thương nhân và quan chức hàng hải Trung Hoa. Trái lại, nó hiện diện như một không gian được nhận diện, được ghi chép và được sử dụng thường xuyên trong thực tiễn giao thương.

Từ những tấu sớ của triều Thanh đến các sách chỉ dẫn hàng hải, từ ngôn ngữ hành chính của Tổng đốc Lưỡng Quảng đến kinh nghiệm thực địa của giới thủy thủ từng ngang dọc biển Đông, Hà Tiên hiện lên không phải chỉ bằng một danh xưng đơn lẻ, mà bằng nhiều tầng nghĩa lịch sử đan xen.

Đó là một cảng khẩu thuộc An Nam. Là vùng đất do "*thổ quan họ Mạc*" trấn giữ. Là điểm dừng quan trọng trước khi thuyền bè đi sâu vào vịnh Xiêm. Là mắt xích nối liền Hoa Nam với Xiêm La. Và cũng là một không gian biển đảo đã được định vị rõ ràng trong ký ức hàng hải Đông Á thế kỷ XVIII.

Những ghi chép ấy giúp làm sáng tỏ hơn vị thế đặc biệt của Hà Tiên dưới thời họ Mạc. Nơi đây không chỉ là một vùng biên viễn xa xôi của Đàng Trong, mà đã vươn lên thành một thương cảng có tên tuổi trong hệ thống giao thương quốc tế; không chỉ là một trấn địa phương nơi cuối trời phương Nam, mà còn là một chính thể biên hải có năng lực quản trị, ngoại giao và điều phối tương đối độc lập; không chỉ là một bến cảng ven vịnh Xiêm, mà còn là đầu mối hàng hải được các thế lực trong khu vực nhận biết, ghi chép và tính đến trong những chuyển động chính trị, thương mại đương thời.

Từ đây, hình ảnh Hà Tiên càng hiện lên rõ nét trong bức tranh lớn của lịch sử phương Nam: một vùng đất nhỏ bé nhưng nằm trên những đường đi lớn; một trấn biên xa xôi nhưng đã đi vào tấu sớ của triều Thanh; một cảng thị ven vịnh Xiêm nhưng lại gắn liền với những hải trình vạn dặm từ Quảng Đông đến Xiêm La; một miền biên hải tưởng chừng lặng khuất, nhưng thực chất đang âm thầm tham dự vào nhịp vận động rộng lớn của cả Đông Nam Á hải thương.

Chính nơi ấy, dưới sự điều hành của họ Mạc, thương nghiệp, ngoại giao, văn hóa và Phật giáo đã cùng hội tụ, nâng đỡ và soi sáng lẫn nhau. Thương thuyền đem đến sự phồn thịnh; ngoại giao mở rộng thế đứng giữa các quyền lực khu vực;

văn chương vun bồi khí chất tao nhã; còn Phật giáo âm thầm tưới mát lòng người, an định cộng đồng và nuôi dưỡng chiều sâu đạo đức cho vùng đất mới.

Bởi vậy, Hà Tiên không chỉ phồn hoa trên biển cả, mà còn rạng rỡ trong văn hiến; không chỉ là cửa ngõ giao thương nơi miền cực Tây Nam, mà còn là một không gian lịch sử có linh hồn - nơi đất, biển, người, đạo pháp và thi ca cùng hòa quyện, làm nên một chương trầm hùng mà thanh nhã trong hành trình mở cõi của đất Việt phương Nam.

(Hết phần 2, còn tiếp...)

(Trích dẫn từ: "*Đại học Tế Nam: Triết học và Khoa học Xã hội*")
Tác giả: 李慶新
Việt dịch & phóng tác: **Thích Vân Phong**
Nguồn: 中國人民大學清史研究所